

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 06/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 21/06/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28214651999	Đỗ Phạm Quốc Bảo	10/09/2004	Đắk Lắk	31TBN6	5.7	8.8	Đạt	
2	28205254425	Lê Hữu Loan Chi	10/06/2003	Quảng Trị	31CBN3	V	V	Không Đạt	
3	27213143811	Trần Đặng Hoàn Đan	17/07/2003	Thừa Thiên H	31CBN3	5.7	5.0	Đạt	
4	28219301001	Nguyễn Văn Đạt	19/07/2004	Đắk Lắk	31TSC3	7.7	6.3	Đạt	
5	28204604702	Lê Thị Diệu	07/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN6	5.0	6.0	Đạt	
6	28207100186	Phan Vũ Đình Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	4.3	6.3	Không Đạt	
7	29208046739	Nguyễn Thị Dịu	04/02/2005	Bình Định	31TBN6	9.3	10.0	Đạt	
8	27203342636	Trần Thị Ánh Dương	31/01/2003	Quảng Nam	31TBN6	5.7	0.0	Không Đạt	
9	27206145563	A Viết Duy	19/07/2003	Quảng Nam	31THT3	6.3	5.0	Đạt	
10	27203342006	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	01/06/2003	Đà Nẵng	31TBN6	9.3	4.3	Không Đạt	
11	28206601528	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/07/2004	Phú Yên	31TBN6	5.0	5.5	Đạt	
12	28209306262	Đỗ Thị Quỳnh Giao	04/02/2004	Quảng Nam	31TBN6	8.3	8.5	Đạt	
13	28204327880	Đỗ Việt Hà	12/12/2004	Quảng Nam	31TBN4	4.0	5.8	Không Đạt	
14	28207104334	Lê Thị Hồng Hà	29/07/2004	Phú Yên	31CBN3	7.7	5.3	Đạt	
15	27211536881	Lê Tấn Hải	14/05/2003	Quảng Ngãi	31TBN6	8.0	6.0	Đạt	
16	28217102239	Đinh Thị Ngọc Hè	24/11/2004	Gia Lai	31CBN3	8.3	5.5	Đạt	
17	27213142717	Dương Trí Hoàng	05/06/2003	Bình Phước	31CBN3	6.0	6.0	Đạt	
18	28207100730	Huỳnh Thị Hồng Huế	24/04/2004	Bình Định	31CBN3	7.3	6.3	Đạt	
19	28212302011	Nguyễn Anh Kha	31/10/2004	Bình Định	31TBN4	9.0	8.8	Đạt	
20	30214345839	Lê Minh Khoa	20/07/2004	Quảng Nam	31TSC4	6.7	6.8	Đạt	
21	29212339587	Hồ Trung Kiên	25/09/2005	Quảng Nam	31TBN6	7.0	6.0	Đạt	
22	28204601405	Phạm Nguyễn Thiên Kim	10/11/2004	Đà Nẵng	31TSC4	5.7	5.0	Đạt	
23	28207146176	Nguyễn Nhật Thanh Lam	08/08/2004	Kon Tum	31CBN3	6.3	6.5	Đạt	
24	28207103630	Nguyễn Thị Hồng Mơ	20/10/2004	Quảng Bình	31CBN3	7.7	6.3	Đạt	
25	28204600802	Đinh Nguyễn Kim Ngân	18/05/2004	Quảng Nam	31CBN3	8.3	5.5	Đạt	
26	26203534969	Lê Thu Ngân	14/08/2002	Quảng Nam	31TSC4	5.0	6.5	Đạt	
27	28207154546	Trần Thảo Nguyên	21/05/2004	Quảng Bình	31CBN3	4.0	0.5	Không Đạt	
28	28205120408	Trần Thị Thảo Nguyên	15/06/2004	Hà Tĩnh	31TBN6	9.3	7.5	Đạt	
29	28206736961	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	25/09/2004	Quảng Nam	31TBN6	9.0	6.5	Đạt	
30	28207137232	Trần Song Uyên Nhi	17/10/2004	Đà Nẵng	31CBN3	7.7	6.8	Đạt	
31	28207103650	Lê Vô Tâm Như	30/11/2004	Quảng Nam	31CBN3	8.0	6.0	Đạt	
32	28207135923	Trần Thị Hồng Như	04/09/2004	Quảng Nam	31CBN3	6.3	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28207100605	Lê Nguyễn Hồng Nhung	08/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN3	5.7	6.5	Đạt	
34	28202700418	Bùi Huyền Diệu Ny	31/05/2004	Quảng Trị	31TYC4	6.0	7.0	Đạt	
35	27206628703	Vũ Thị Minh Phương	12/06/2003	Nam Định	31THT3	7.0	3.5	Không Đạt	
36	28204606919	Nguyễn Thị Lệ Quỳnh	26/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN6	9.3	8.3	Đạt	
37	28214905675	Quách Ngọc Như Quỳnh	14/02/2004	Đắk Lắk	31TBN6	5.3	8.5	Đạt	
38	28204954297	Trần Nguyễn Như Quỳnh	15/01/2004	Quảng Nam	31CBN3	9.7	8.0	Đạt	
39	28206542362	Châu Thị Minh Thái	21/08/2004	Quảng Nam	31TBN6	9.0	6.3	Đạt	
40	28215203662	Phan Huy Thân	05/03/2004	Đắk Lắk	31CBN3	7.3	6.0	Đạt	
41	28214304041	Lê Văn Thắng	24/08/2004	Đắk Nông	31SBN1	5.0	5.5	Đạt	
42	27211502361	Nguyễn Văn Quốc Thắng	05/11/2003	Quảng Nam	31TBN6	V	V	Không Đạt	
43	28206650597	Hoàng Ngọc Anh Thảo	24/01/2004	Đà Nẵng	31TBN6	8.7	8.0	Đạt	
44	28204605709	Huỳnh Thị Phương Thảo	10/09/2004	Quảng Nam	31CYC2	7.0	8.3	Đạt	
45	28207405940	Ngô Thị Thạch Thảo	02/07/2004	Đà Nẵng	31CBN3	8.3	6.5	Đạt	
46	29208055968	Nguyễn Thị Kim Thảo	13/05/2005	Quảng Nam	31TBN6	9.0	7.8	Đạt	
47	28206754347	Trần Diệu Thảo	23/10/2004	Bình Định	31TBN6	6.3	2.8	Không Đạt	
48	27211500755	Nguyễn Trường Thịnh	25/11/2003	Quảng Ngãi	31TBN6	8.0	5.0	Đạt	
49	28207103406	Phạm Thị Kim Thoa	14/08/2004	Quảng Nam	31THT4	7.3	7.0	Đạt	
50	28204743283	Lưu Thị Anh Thư	09/12/2004	Quảng Nam	31TBN6	7.7	6.3	Đạt	
51	27207142032	Lê Thương Thương	12/07/2003	Quảng Ngãi	31THT3	5.7	5.0	Đạt	
52	28207431055	Nguyễn Thị Lệ Thương	22/04/2004	Quảng Nam	31TBN6	5.0	5.8	Đạt	
53	27208726202	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12/04/2003	Đà Nẵng	31TYC1	6.0	5.0	Đạt	
54	28209433209	Phạm Thị Như Thủy	28/04/2004	Quảng Trị	31TBN6	8.7	6.8	Đạt	
55	28204602819	Bùi Nữ Mỹ Tiên	16/02/2004	Quảng Ngãi	31TSC4	6.0	5.0	Đạt	
56	27206634901	Hứa Trần Thị Thúy Tiên	27/09/2003	Quảng Nam	31THT3	8.0	5.0	Đạt	
57	28207105011	Bùi Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	Phú Yên	31CBN3	10.0	7.8	Đạt	
58	27203130031	Lê Bạch Quỳnh Trâm	18/12/2003	Quảng Ngãi	31CBN3	8.0	8.5	Đạt	
59	27212526199	Mai Ngọc Trâm	11/07/2003	Đà Nẵng	31TBN4	9.0	8.5	Đạt	
60	28204900403	Trần Thùy Trân	01/09/2001	Đà Nẵng	31TBN6	9.7	9.0	Đạt	
61	27203339277	Hà Thảo Trang	02/09/2003	Quảng Nam	31TBN6	9.0	6.3	Đạt	
62	28207141186	Hoàng Đỗ Thùy Trang	24/06/2004	Kon Tum	31CBN3	9.3	6.3	Đạt	
63	28204606921	Nguyễn Thị Thu Trang	07/12/2004	Quảng Ngãi	31TBN6	7.7	5.5	Đạt	
64	29206651127	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/03/2005	Gia Lai	31TBN6	9.0	7.5	Đạt	
65	28207138683	Đoàn Lê Kim Trúc	23/05/2004	Kon Tum	31CBN3	8.3	9.0	Đạt	
66	28204803652	Phạm Trần Truyền	10/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN6	5.0	2.3	Không Đạt	
67	28214437672	Hoàng Mạnh Tuấn	31/07/2004	Đắk Lắk	31TBN6	9.0	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28207103164	Tạ Ngọc Bích	Tuyền	20/01/2004	Đắk Lắk	31CBN3	7.3	9.0	Đạt	
69	27203353456	Trà Thị Kim	Tuyền	06/04/2003	Quảng Nam	31TBN6	9.3	8.0	Đạt	
70	28204606490	Nguyễn Hoàng Thảo	Uyên	21/03/2004	Đà Nẵng	31TBN6	5.7	6.0	Đạt	
71	27217501904	Nguyễn Phương	Uyên	04/12/2003	Quảng Nam	31CYC2	6.3	5.0	Đạt	
72	27207550399	Trần Thị Cẩm	Vân	21/04/2003	Thừa Thiên H	31TBN6	7.3	8.0	Đạt	
73	29208062929	Hồ Thị Kiều	Vi	03/07/2005	Phú Yên	31TBN6	V	V	Không Đạt	
74	28207104573	Ông Thị Khánh	Vy	31/07/2003	Đà Nẵng	31THT3	6.3	5.5	Đạt	
75	27202929368	Trần Lê Thu	Vy	11/12/2003	Bình Định	31TBN3	5.7	5.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh